

## NỘI DUNG CỤ THỂ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

### I. LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ

#### 1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai

##### 1.1 Trình tự thực hiện:

- Thương nhân đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Nghị định số 87/2017/NĐ-CP gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Trường hợp thương nhân chưa đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung;

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

- Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện là 10 năm kể từ ngày cấp mới.

**1.2. Cách thức thực hiện:** Thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

##### 1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

\* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai theo Mẫu số 05 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2017/NĐ-CP;

- Bản sao hợp đồng bán LPG chai với thương nhân có giấy chứng nhận đủ điều kiện còn hiệu lực;

- Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy.

\* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

**1.4. Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Thương nhân bán lẻ LPG chai.

**1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp xã.

**1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai.

**1.8. Phí, Lệ phí:** Nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.

**1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai theo Mẫu số 05 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP.

##### 1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Là thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;

- Có hợp đồng tối thiểu 1 năm bán LPG chai với thương nhân có giấy chứng nhận đủ điều kiện còn hiệu lực theo quy định tại Nghị định số 87/2017/NĐ-CP, trừ trường hợp cửa hàng trực thuộc của thương nhân;

- Đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.

##### 1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

Mẫu số 05

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
 -----

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**  
**CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN CỬA HÀNG BÁN LẺ LPG CHAI**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân Quận/huyện...

Tên thương nhân/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh số:.....  
do..... cấp ngày.... tháng.... năm.....

Mã số thuế:.....

Đề nghị Ủy ban nhân dân quận/huyện... xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai theo quy định tại Nghị định số.../2018/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số.../2018/NĐ-CP ngày.... tháng.... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu:....

....., ngày.... tháng... năm...

**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/  
 CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH**  
*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

## **2. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai**

### **2.1. Trình tự thực hiện:**

- Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai của thương nhân;
- Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân;
- Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện không thay đổi.

**2.2. Cách thức thực hiện:** Thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

### **2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Thành phần hồ sơ:

Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP.

\* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

**2.4. Thời hạn giải quyết:** 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Thương nhân bán lẻ LPG chai.

**2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp xã.

**2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai.

**2.8. Phí, Lệ phí:** Nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.

**2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP.

**2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đủ điều kiện Bị mất, sai sót hoặc bị hư hỏng.

### **2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
- Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
 -----

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**  
**CẤP LẠI/ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN**

**Kính gửi:** Bộ Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện...  
 Sở Công Thương.

Tên thương nhân/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh:.....  
 Địa chỉ trụ sở chính:.....  
 Điện thoại:..... Fax:.....  
 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh số:.....  
 do..... cấp ngày.... tháng.... năm....  
 Mã số thuế:.....  
 Giấy chứng nhận đủ điều kiện.....  
 Đề nghị Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện xem xét cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện..... theo quy định tại Nghị định số.../2018/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.  
 Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số.../2018/NĐ-CP ngày... tháng.... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu:....

..., ngày.... tháng... năm...  
**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/  
 CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH**  
*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

### **3. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai**

#### **3.1. Trình tự thực hiện**

- Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận Hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai của thương nhân;

- Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân;

- Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện không thay đổi.

**3.2. Cách thức thực hiện:** Thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

#### **3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP;

- Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi.

\* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

**3.4. Thời hạn giải quyết:** 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Thương nhân bán lẻ LPG chai.

**3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp xã.

**3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai.

**3.8. Phí, Lệ phí:** Nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.

**3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP.

**3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đủ điều kiện hết hiệu lực.

#### **3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
 -----

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**  
**CẤP LẠI/ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN**

**Kính gửi:** Bộ Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện...  
 Sở Công Thương.

Tên thương nhân/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh:.....  
 Địa chỉ trụ sở chính:.....  
 Điện thoại:..... Fax:.....  
 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh số:.....  
 do..... cấp ngày.... tháng.... năm.....  
 Mã số thuế:.....  
 Giấy chứng nhận đủ điều kiện.....  
 Đề nghị Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện xem xét cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện..... theo quy định tại Nghị định số.../2018/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.  
 Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số.../2018/NĐ-CP ngày.... tháng.... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu:....

..., ngày.... tháng... năm...  
**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/**  
**CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH**  
*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

## II. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC

### 1. Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

#### 1.1. Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, thẩm định và cấp giấy phép cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan cấp giấy phép phải có văn bản yêu cầu bổ sung.

**1.2. Cách thức thực hiện:** Thương nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép.

#### 1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

\* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh.

- Bản sao Bản công bố sản phẩm rượu hoặc bản sao Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm (đối với rượu chưa có quy chuẩn kỹ thuật); bản sao Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, trừ trường hợp đối với cơ sở thuộc loại kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ theo quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm.

- Bản liệt kê tên hàng hóa rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa rượu mà tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc dự kiến sản xuất.

\* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

**1.4. Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của thương nhân.

**1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** thương nhân sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

**1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp xã

**1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép sản xuất rượu thủ công.

**1.8. Phí, Lệ phí:** Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.

**1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP.

#### 1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Bảo đảm các điều kiện về an toàn thực phẩm và ghi nhãn hàng hóa rượu theo quy định.

#### 1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu

- Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**.....<sup>(1)</sup>.....Kính gửi: .....<sup>(2)</sup>.....

Tên thương nhân: .....

Địa chỉ trụ sở chính:..... Điện thoại:..... Fax:

Địa điểm sản xuất/kinh doanh: .....

Điện thoại:..... Fax: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đề nghị .....<sup>(2)</sup>..... xem xét cấp Giấy phép .....<sup>(1)</sup>....., cụ thể là:

(Tùy thuộc vào từng loại hình kinh doanh rượu, thương nhân thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

**Được phép sản xuất rượu như sau:**Sản xuất các loại rượu: .....<sup>(3)</sup>.....Quy mô sản xuất sản phẩm rượu: .....<sup>(4)</sup>.....**Được phép tổ chức phân phối rượu như sau:**

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, nhà cung cấp rượu nước ngoài sau: .....<sup>(5)</sup>.....

Được phép tổ chức hệ thống phân phối rượu tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau:.....

Được phép bán lẻ rượu, tại các địa điểm sau: .....

**Được phép tổ chức bán buôn rượu như sau:**

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

.....<sup>(5)</sup>.....

Được phép tổ chức hệ thống bán buôn rượu tại tỉnh, thành phố:

.....

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm: .....

**Được phép tổ chức bán lẻ rượu như sau:**

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

.....<sup>(5)</sup>.....

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm:

.....<sup>(6)</sup>..... xin cam đoan

thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số .... /2020/NĐ-CP ngày...tháng.... năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))*

**Chú thích:**

- (1): Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu
- (2): Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.
- (3): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: Rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...
- (4): Ghi công suất thiết kế; đối với sản xuất rượu thủ công thì ghi sản lượng dự kiến sản xuất (lít/năm).
- (5): Ghi rõ tên, địa chỉ.
- (6): Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

## **2. Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh**

### **2.1. Trình tự thực hiện:**

\* Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực

Thương nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thương nhân đặt cơ sở sản xuất trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày. Hồ sơ, thẩm quyền, thủ tục cấp lại đối với quy định lại khoản này áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới.

\* Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng

- Thương nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thương nhân đặt cơ sở sản xuất. Hồ sơ bao gồm: Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP và bản gốc hoặc bản sao giấy phép đã cấp (nếu có);

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào hồ sơ đã lưu và hồ sơ đề nghị cấp lại của thương nhân để xem xét và cấp lại giấy phép theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP. Thời hạn của giấy phép được giữ nguyên như cũ.

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã phải có văn bản yêu cầu bổ sung. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**2.2. Cách thức thực hiện:** Thương nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thương nhân đặt cơ sở sản xuất.

### **2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Thành phần hồ sơ: Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP và bản gốc hoặc bản sao giấy phép đã cấp (nếu có).

\* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

**2.4. Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của thương nhân.

**2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** thương nhân sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

**2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp xã

**2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép sản xuất rượu thủ công.

**2.8. Phí, Lệ phí:** Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.

**2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP.

**2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép bị mất hoặc bị hỏng.

### **2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc quản lý nhà nước của.

- Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

TÊN THƯƠNG NHÂN  
-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----

Số: /

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Cấp lại giấy phép .....<sup>(1)</sup>.....**

**(Trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)**

Kính gửi: .....<sup>(2)</sup>.....

Tên thương nhân: .....

Địa chỉ trụ sở chính:..... Điện thoại:..... Fax: .....

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:..... Điện thoại:..... Fax: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số..... do..... cấp ngày... tháng... năm...;

Giấy phép .....<sup>(1)</sup>..... đã được cấp số.... do ... cấp ngày ... tháng... năm ...

Giấy phép...<sup>(1)</sup>....đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số ..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm .....

.....<sup>(3)</sup>..... đề nghị .....<sup>(2)</sup>..... xem xét cấp lại Giấy phép .....<sup>(1)</sup>....., với lý do cụ thể như sau: .....<sup>(4)</sup>..

.....<sup>(3)</sup>.....xin cam đoan lý do trình bày trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số .../2020/NĐ-CP ngày ... tháng .... năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu(nếu có))

**Chú thích:**

<sup>(1)</sup>: Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu.

<sup>(2)</sup>: Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

<sup>(3)</sup>: Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

<sup>(4)</sup>: Lý do xin cấp lại.

### **3. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh**

#### **3.1. Trình tự thực hiện:**

- Trường hợp có thay đổi các nội dung của giấy phép, thương nhân phải nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thương nhân đặt cơ sở sản xuất.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP. Trường hợp từ chối cấp sửa đổi, bổ sung phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã sửa đổi, bổ sung giấy phép phải có văn bản yêu cầu bổ sung.

**3.2. Cách thức thực hiện:** Thương nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thương nhân đặt cơ sở sản xuất.

#### **3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP;

- Bản sao giấy phép đã được cấp;

- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

\* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

**3.4. Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của thương nhân.

**3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** thương nhân sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

**3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp xã

**3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép sản xuất rượu thủ công.

**3.8. Phí, Lệ phí:** Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.

**3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP.

**3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Có thay đổi các nội dung của giấy phép.

#### **3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

TÊN THƯƠNG NHÂN

-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

Số: /

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ****Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép ... (1)...**Kính gửi: .....<sup>(2)</sup>.....

Tên thương nhân: .....

Địa chỉ trụ sở chính:..... Điện thoại:..... Fax: .....

Địa điểm sản xuất/kinh doanh: .....

Điện thoại: .....Fax: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số.....do..... cấp ngày .....tháng..... năm.....;

Giấy phép .....<sup>(1)</sup>..... đã được cấp số..... do..... cấp ngày ... tháng ... năm ...Giấy phép .....<sup>(1)</sup>..... đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số .....do..... cấp ngày..... tháng..... năm ..........<sup>(3)</sup>..... đề nghị .....<sup>(2)</sup>.....xem xét cấp sửa đổi (hoặc bổ sung) Giấy phép.....<sup>(1)</sup>....., với lý do cụ thể như sau:

1. Sửa đổi:

Thông tin cũ: .....

Thông tin mới: .....<sup>(4)</sup>.....

2. Bổ sung: .....<sup>(4)</sup>.....<sup>(3)</sup>..... xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số ....../2020/NĐ-CP ngày...tháng.... năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

**Chú thích:**

(1): Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu.

(2): Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

(3): Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

(4): Nội dung sửa đổi, bổ sung.

#### **4. Cấp Giấy phép bán lẻ rượu**

##### **4.1. Trình tự thực hiện:**

- Thương nhân đủ điều kiện bán lẻ rượu nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thương nhân đặt trụ sở chính.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, thẩm định và cấp giấy phép cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã phải có văn bản yêu cầu bổ sung.

**4.2. Cách thức thực hiện:** Thương nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thương nhân đặt trụ sở chính.

##### **4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ rượu theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh.

- Bản sao hợp đồng thuê/mượn hoặc tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp cơ sở dự kiến làm địa điểm bán lẻ.

- Bản sao văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu.

\* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

**4.4. Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của thương nhân.

**4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** thương nhân bán lẻ rượu.

**4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp xã

**4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép bán lẻ rượu.

**4.8. Phí, Lệ phí:** Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.

**4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ rượu theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP.

##### **4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Có quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng.

- Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu.

##### **4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

(1)

Kính gửi: .....(2).....

Tên thương nhân: .....

Địa chỉ trụ sở chính:..... Điện thoại:..... Fax:

Địa điểm sản xuất/kinh doanh: .....

Điện thoại:..... Fax: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đề nghị .....(2)..... xem xét cấp Giấy phép .....(1)....., cụ thể là:  
(Tùy thuộc vào từng loại hình kinh doanh rượu, thương nhân thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):**Được phép sản xuất rượu như sau:**

Sản xuất các loại rượu: .....(3).....

Quy mô sản xuất sản phẩm rượu: .....(4).....

**Được phép tổ chức phân phối rượu như sau:**

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, nhà cung cấp rượu nước ngoài sau: .....(5).....

Được phép tổ chức hệ thống phân phối rượu tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau:.....

Được phép bán lẻ rượu, tại các địa điểm sau: .....

**Được phép tổ chức bán buôn rượu như sau:**

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

.....(5).....

Được phép tổ chức hệ thống bán buôn rượu tại tỉnh, thành phố:

.....

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm: .....

**Được phép tổ chức bán lẻ rượu như sau:**

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

.....(5).....

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm:

.....(6)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số .... /2020/NĐ-CP ngày...tháng.... năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

**Chú thích:**

- <sup>(1)</sup>: Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu
- <sup>(2)</sup>: Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.
- <sup>(3)</sup>: Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: Rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...
- <sup>(4)</sup>: Ghi công suất thiết kế; đối với sản xuất rượu thủ công thì ghi sản lượng dự kiến sản xuất (lít/năm).
- <sup>(5)</sup>: Ghi rõ tên, địa chỉ.
- <sup>(6)</sup>: Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

## **5. Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu**

### **5.1. Trình tự thực hiện:**

\* Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực

Thương nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thương nhân đặt trụ sở chính trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày. Hồ sơ, thẩm quyền, thủ tục cấp lại đối với quy định tại khoản này áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới.

\* Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng

- Thương nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thương nhân đặt trụ sở chính.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào hồ sơ đã lưu và hồ sơ đề nghị cấp lại của thương nhân để xem xét và cấp lại giấy phép theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP. Thời hạn của giấy phép được giữ nguyên như cũ.

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã phải có văn bản yêu cầu bổ sung. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**5.2. Cách thức thực hiện:** Thương nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thương nhân đặt trụ sở chính.

### **5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Thành phần hồ sơ: Hồ sơ bao gồm: Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP và bản gốc hoặc bản sao giấy phép đã cấp (nếu có).

\* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

**5.4. Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của thương nhân.

**5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** thương nhân bán lẻ rượu.

**5.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp xã

**5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép bán lẻ rượu.

**5.8. Phí, Lệ phí:** Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.

**5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP.

**5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép bị mất hoặc bị hỏng.

### **5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

TÊN THƯƠNG NHÂN

-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

Số: /

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ****Cấp lại giấy phép .....(1).....****(Trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)**

Kính gửi: .....(2).....

Tên thương nhân: .....

Địa chỉ trụ sở chính:..... Điện thoại:..... Fax: .....

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:..... Điện thoại:..... Fax: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số..... do..... cấp ngày... tháng... năm...;

Giấy phép .....(1)..... đã được cấp số.... do ... cấp ngày ... tháng... năm ...

Giấy phép...(1)....đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số ..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm .....

.....(3)..... đề nghị .....(2)..... xem xét cấp lại Giấy phép .....(1) ....., với lý do cụ thể như sau: .....(4).....

.....(3).....xin cam đoan lý do trình bày trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số .../2020/NĐ-CP ngày ... tháng .... năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu(nếu có))***Chú thích:**

(1): Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu.

(2): Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

(3): Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

(4): Lý do xin cấp lại.

## **6. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu**

### **6.1. Trình tự thực hiện:**

- Trường hợp có thay đổi các nội dung của giấy phép, thương nhân phải nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thương nhân đặt trụ sở chính.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP. Trường hợp từ chối cấp sửa đổi, bổ sung phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã sửa đổi, bổ sung giấy phép phải có văn bản yêu cầu bổ sung.

**6.2. Cách thức thực hiện:** Thương nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thương nhân đặt cơ sở sản xuất.

### **6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP;

- Bản sao giấy phép đã được cấp;

- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

\* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

**6.4. Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của thương nhân.

**6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** thương nhân bán lẻ rượu.

**6.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp xã.

**6.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép bán lẻ rượu.

**6.8. Phí, Lệ phí:** Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.

**6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP.

**6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Có thay đổi các nội dung của giấy phép.

### **6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc quản lý nhà nước của.

- Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương

**Mẫu số 02**

**TÊN THƯƠNG NHÂN**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: /

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép ... (1)...**Kính gửi: .....<sup>(2)</sup>.....

Tên thương nhân: .....

Địa chỉ trụ sở chính:..... Điện thoại:..... Fax: .....

Địa điểm sản xuất/kinh doanh: .....

Điện thoại: .....Fax: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số.....do..... cấp ngày .....tháng..... năm.....;

Giấy phép .....<sup>(1)</sup>..... đã được cấp số..... do..... cấp ngày ... tháng ... năm ...Giấy phép .....<sup>(1)</sup>..... đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số .....do..... cấp ngày..... tháng..... năm ..........<sup>(3)</sup>..... đề nghị .....<sup>(2)</sup>.....xem xét cấp sửa đổi (hoặc bổ sung) Giấy phép.....<sup>(1)</sup>....., với lý do cụ thể như sau:**1. Sửa đổi:**

Thông tin cũ: .....

Thông tin mới: .....<sup>(4)</sup>.....**2. Bổ sung: .....<sup>(4)</sup>.....**

.....<sup>(3)</sup>..... xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số .... /2020/NĐ-CP ngày...tháng.... năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))***Chú thích:**

<sup>(1)</sup>: Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu.

<sup>(2)</sup>: Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

<sup>(3)</sup>: Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

<sup>(4)</sup>: Nội dung sửa đổi, bổ sung.

### III. LĨNH VỰC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CHỢ DO NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ QUẢN LÝ

#### 1. Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý

##### 1.1. Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư dự án (đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ được đầu tư xây dựng mới), đơn vị chủ trì quản lý tài sản (đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại Điều 106 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công) có văn bản kèm theo hồ sơ về tài sản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định giao tài sản.

- Kể từ ngày có Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ của Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận tài sản.

##### 1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp.

##### 1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

\* Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình của chủ đầu tư dự án/đơn vị chủ trì quản lý tài sản về việc giao tài sản cho đối tượng quản lý: 01 bản chính;

- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng: 01 bản chính;

- Văn bản đề nghị được giao tài sản: 01 bản chính;

- Danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích, số điểm kinh doanh tại chợ, giá trị tài sản, đánh giá tình trạng tài sản – nếu có): 01 bản chính;

- Biên bản nghiệm thu đưa tài sản vào sử dụng (đối với tài sản được đầu tư xây dựng mới): 01 bản chính;

- Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân (đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại Điều 106 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công): 01 bản chính;

- Hồ sơ hoàn công (đối với công trình đầu tư xây dựng mới): 01 bản sao;

- Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

##### 1.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan của địa phương xem xét, quyết định giao tài sản.

##### 1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Chủ đầu tư dự án (đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ được đầu tư xây dựng mới).

- Đơn vị chủ trì quản lý tài sản (đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại Điều 106 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công).

##### 1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

##### 1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định giao tài sản.

##### 1.8. Lệ phí: Không.

##### 1.9. Tên mẫu đơn, tờ khai: Không.

##### 1.10. Yêu cầu, điều kiện:

##### 1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ.

- Nghị định 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực quản lý của Bộ Tài chính.

## **2. Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ**

### **2.1. Trình tự thực hiện:**

- Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có tài sản lập hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản gửi Ủy ban nhân dân xã đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý.
- Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định thực hiện việc thu hồi.
- Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ban hành Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thu hồi tài sản không phù hợp.

### **2.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp.**

### **2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Thành phần hồ sơ

- Văn bản đề nghị thu hồi tài sản (trong đó xác định cụ thể tài sản thu hồi thuộc trường hợp nào theo quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 28 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP): 01 bản chính.

- Danh mục tài sản đề nghị thu hồi (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích, số điểm kinh doanh tại chợ, giá trị tài sản): 01 bản chính. Hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

### **2.4. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định: Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định thực hiện việc thu hồi.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định: Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ban hành Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thu hồi tài sản không phù hợp.

**2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có tài sản

**2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp xã.

**2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thu hồi tài sản không phù hợp.

**2.8. Lệ phí:** Không.

**2.9. Tên mẫu đơn, tờ khai:**

**2.10. Yêu cầu, điều kiện:**

**2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ.

- Nghị định 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực quản lý của Bộ Tài chính./.

#### IV. LĨNH VỰC AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN

##### 1. Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện

###### 1.1 Trình tự thực hiện

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Bước 2: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.
- Bước 3: Trong thời hạn 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức thẩm định:

Trường hợp nội dung phương án cấm mốc chỉ giới phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và đặc điểm nơi xây dựng đập, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phê duyệt.

Trường hợp nội dung phương án cấm mốc chỉ giới không phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành hoặc không phù hợp với đặc điểm nơi xây dựng đập, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm ban hành văn bản yêu cầu chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện điều chỉnh, bổ sung phương án cấm mốc chỉ giới.

###### 1.2 Cách thức thực hiện

- Gửi hồ sơ qua bưu điện;
- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

###### 1.3 Thành phần, số lượng hồ sơ

\* Thành phần hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị phê duyệt;
- Phương án cấm mốc chỉ giới;

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

###### 1.4 Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức thẩm định:

Trường hợp nội dung phương án cấm mốc chỉ giới phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và đặc điểm nơi xây dựng đập, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phê duyệt.

Trường hợp nội dung phương án cấm mốc chỉ giới không phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành hoặc không phù hợp với đặc điểm nơi xây dựng đập, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm ban hành văn bản yêu cầu chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện điều chỉnh, bổ sung phương án cấm mốc chỉ giới.

###### 1.5 Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

###### 1.6 Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

###### 1.7 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định.

###### 1.8 Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

###### 1.9 Phí, lệ phí: Không.

###### 1.10 Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Có

Các trường hợp phải cấm mốc chỉ giới:

- Đập của hồ chứa thủy điện có dung tích từ 500.000 m<sup>3</sup> trở lên;
- Đập có chiều cao từ 15 m trở lên.

###### 1.11 Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ nông nghiệp và môi trường.

### **3. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã**

#### **3.1 Trình tự thực hiện**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt hạng mục nhà máy thủy điện;

- Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt phương án để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định;

- Bước 3: Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp xã trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản.

#### **3.2 Cách thức thực hiện**

- Gửi hồ sơ qua bưu điện;

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

#### **3.3 Thành phần, số lượng hồ sơ**

\* *Thành phần hồ sơ gồm:*

- Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập;

- Dự thảo phương án phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập;

- Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật;

- Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan;

- Các tài liệu khác liên quan kèm theo (nếu có).

\* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ hồ sơ.

#### **3.4 Thời hạn giải quyết:**

Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt.

#### **3.5 Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.**

**3.6 Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt phương án ứng phó thiên tai đối với đập, hồ chứa và vùng hạ du đập trên địa bàn 01 xã. Đối với đập, hồ chứa và vùng hạ du đập trên địa bàn 02 xã trở lên do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án ứng phó thiên tai.

#### **3.7 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định.**

#### **3.8 Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.**

#### **3.9 Phí, lệ phí: Không.**

#### **3.10 Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.**

#### **3.11 Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

## **V. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG**

### **1. Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện (Mã TTHC - 2.002096)**

#### **a) Trình tự thực hiện:**

- Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận hồ sơ đề nghị đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện từ các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn;

Trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xem xét, chấm điểm bình chọn các sản phẩm đáp ứng đủ điều kiện theo quy định để cấp Giấy chứng nhận.

#### **b) Cách thức thực hiện:**

- Qua dịch vụ bưu chính;
- Qua dịch vụ công trực tuyến.
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ (thông qua Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ thuộc UBND cấp huyện).

#### **c) Thành phần hồ sơ:**

- Phiếu đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu;
  - Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
  - Phiếu thuyết minh về sản phẩm đăng ký bình chọn;
  - 03 ảnh của sản phẩm, kích thước (9x12)cm;
- Các chứng nhận, chứng chỉ khác (nếu có).

#### **d) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ**

#### **đ) Thời hạn giải quyết:**

- Ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

#### **e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

- Các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn.

#### **f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Ủy ban nhân dân cấp huyện.

#### **g) Phí, Lệ phí:**

- Không quy định.

#### **h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện.

#### **i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Phiếu đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu;
- Phiếu thuyết minh về sản phẩm đăng ký bình chọn;

#### **j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Sản phẩm tham gia bình chọn là một sản phẩm hoặc một bộ sản phẩm (sau đây gọi chung là sản phẩm);

Sản phẩm tham gia bình chọn là sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp do chính cơ sở công nghiệp nông thôn sản xuất và đăng ký tham gia bình chọn;

Sản phẩm tham gia bình chọn không phải là sản phẩm sao chép; việc sản xuất sản phẩm không vi phạm quy định về quyền sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu công nghiệp và các quy định khác liên quan tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng, vệ sinh an toàn lao

động, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường; Sản phẩm tham gia bình chọn phải có khả năng sản xuất hàng loạt, với số lượng lớn, không phải là sản phẩm độc bản, đáp ứng được nhu cầu thị trường;

- Việc bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được đánh giá thông qua các tiêu chí cơ bản sau:

- + Tiêu chí về đáp ứng thị trường và khả năng phát triển sản xuất;
- + Tiêu chí về kinh tế - kỹ thuật - xã hội và môi trường;
- + Tiêu chí về tính văn hóa và thẩm mỹ;
- + Tiêu chí khác.

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;  
Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;
- Thông tư số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18/02/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Công Thương hướng dẫn về trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương;
- Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014 của Bộ Công Thương quy định về bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu và các quy định cụ thể khác theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nếu có).

Mẫu Phiếu đăng ký  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
 ...., ngày..... tháng..... năm ...

**PHIẾU ĐĂNG KÝ THAM GIA BÌNH CHỌN  
 SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU**

Kính gửi:.....

Tên cơ sở công nghiệp nông thôn:.....  
 Địa chỉ:.....  
 Điện thoại:.....; Fax:.....Email:.....  
 Người đại diện:..... Chức vụ: .....  
 Giấy đăng ký kinh doanh số: .....Ngày cấp:.....  
 Ngành nghề kinh doanh (*tóm tắt ngành nghề chính có liên quan*): .....  
 Địa điểm sản xuất: .....  
 Vốn đăng ký kinh doanh (*nếu có*):.....  
 Tổng tài sản theo bảng cân đối kế toán thời gian gần nhất (*đối với doanh nghiệp*):.....  
 Tổng số lao động bình quân/năm: .....  
 Tình hình chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước:.....  
*Sau khi tìm hiểu về Chương trình bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, chúng tôi tự nguyện đăng ký sản phẩm tham gia bình chọn như sau:*  
 Tên sản phẩm tham gia bình chọn: .....  
 Mô tả tóm tắt về sản phẩm: .....

Chúng tôi cam kết là chủ sở hữu hợp pháp của sản phẩm nêu trên; sản phẩm tham gia bình chọn không vi phạm bản quyền về sở hữu trí tuệ, sở hữu công nghiệp; thực hiện đầy đủ quy định của Hội đồng bình chọn; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực đối với các thông tin được cung cấp trong hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn./.

**Đại diện Cơ sở công nghiệp nông thôn**  
*(ký tên và đóng dấu)*

Tên Cơ sở CNNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm .....

**THUYẾT MINH SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ  
BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU**

Tên sản phẩm: .....

Tên cơ sở công nghiệp nông thôn:.....

Đại diện cơ sở công nghiệp nông thôn:.....: Chức vụ:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....; Email:.....

**I. THÔNG TIN CHUNG**

Kích cỡ (dài, rộng, cao): .....

Trọng lượng sản phẩm (kg): .....

Ký hiệu sản phẩm (nếu có): .....

Tính năng, công dụng chính của sản phẩm: .....

**II. NỘI DUNG CHÍNH**

Tùy vào từng loại sản phẩm, thực tế sản xuất kinh doanh của cơ sở công nghiệp nông thôn, nêu tóm tắt một số nội dung sau:.....

**1. Quy mô sản xuất, kinh doanh và thị trường tiêu thụ**

*1.1. Về sản xuất, kinh doanh*

- Quy mô sản xuất (Sp/năm) (năm trước và dự kiến năm hiện tại):.....
- Doanh thu của sản phẩm (năm trước và dự kiến năm hiện tại):.....
- Số lượng và doanh thu xuất khẩu năm trước và dự kiến năm hiện tại (nếu có):...
- Nộp ngân sách nhà nước (năm trước và dự kiến năm hiện tại):.....
- Đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh sản phẩm:.....
- Nguyên vật liệu chính sử dụng sản xuất sản phẩm:.....
- Đánh giá trình độ công nghệ, thiết bị đang sản xuất sản phẩm. Khả năng áp dụng công nghệ, thiết bị hiện đại vào sản xuất sản phẩm:.....
- Chất lượng, mẫu mã sản phẩm:.....
- Hệ thống quản lý sản xuất và chất lượng sản phẩm (ISO, HACCP, ....) đang áp dụng (nếu có). Khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định.
- Khả năng sản xuất hàng loạt, với số lượng lớn:.....
- Khả năng nhân rộng sản xuất và thúc đẩy phát triển các ngành khác:.....
- Khả năng tham gia chuỗi liên kết giá trị sản phẩm:.....

### 1.2. Về thị trường

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm (thị trường trong và ngoài nước) và đánh giá tiềm năng, mức độ đáp ứng nhu cầu thị trường:.....
- Đánh giá khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu (nếu có):.....

## 2. Lao động, bảo vệ môi trường

### 2.1. Về lao động

- Tổng số lao động đang sử dụng:.....
- Chất lượng lao động đang sử dụng:.....
- Thu nhập bình quân:.....VND/người/tháng

### 2.2. Về môi trường

Nêu tóm tắt tác động môi trường và việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất sản phẩm:.....

## 3. Tính văn hóa, tính thẩm mỹ của sản phẩm

- Đánh giá mức độ thể hiện tính đặc thù văn hóa dân tộc:.....
- Tính kế thừa, hoàn thiện và phát huy các giá trị văn hóa của sản phẩm:.....
- Sản phẩm có thiết kế mới, độc đáo; hình thức, mẫu mã, bao bì đẹp:.....

## 4. Một số nội dung khác

- Các chứng nhận về chất lượng sản phẩm đã được công nhận:.....
- Các giải thưởng, bằng khen,... đã đạt được:.....
- Nêu tình hình thực hiện các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước:.....
- Tham gia các hoạt động công ích xã hội:.....
- Đánh giá các tác động xã hội khác (nếu có):.....

## III. TỰ NHẬN XÉT

.....

**Đại diện Cơ sở công nghiệp nông thôn**

(ký tên và đóng dấu)

## **VI. BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG**

**1. Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên (Mã TTHC: 2.002620).**

### **1. Trình tự thực hiện**

- Tổ chức, cá nhân kinh doanh thực hiện thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp xã tại nơi tổ chức bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

- Hồ sơ thông báo phải được gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã tối thiểu 03 ngày làm việc trước khi thực hiện hoạt động (căn cứ theo ngày Ủy ban nhân dân cấp xã nhận ghi trên vận đơn bưu điện hoặc các hình thức có giá trị tương đương trong trường hợp gửi qua đường bưu điện, căn cứ theo ngày ghi trên giấy tiếp nhận hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, căn cứ theo thời gian ghi nhận trên hệ thống thư điện tử hoặc căn cứ theo ngày ghi nhận trên hệ thống trong trường hợp nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến).

- Trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động đã được thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp xã trước đó, tổ chức, cá nhân kinh doanh thực hiện thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã thông báo.

Ủy ban nhân dân cấp xã công khai đầy đủ nội dung thông báo của tổ chức, cá nhân kinh doanh bằng hình thức phù hợp để người tiêu dùng tại địa bàn được biết. Việc công khai được thực hiện trước và trong thời gian thực hiện hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ của tổ chức, cá nhân kinh doanh tại địa bàn.

### **2. Cách thức thực hiện**

- a) Qua đường bưu điện;
- b) Trực tiếp tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã;
- c) Qua thư điện tử kèm chữ ký số hoặc kèm bản scan thông báo có chữ ký và đóng dấu của tổ chức, cá nhân kinh doanh đến địa chỉ thư điện tử đã được Ủy ban nhân dân cấp xã công bố;
- d) Sử dụng hệ thống dịch vụ công trực tuyến do Ủy ban nhân dân cấp xã cung cấp.

### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ**

- Thành phần hồ sơ:

- + Lần đầu: 01 Thông báo thực hiện bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên theo Mẫu số 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 55/2024/NĐ-CP.

- + Trường hợp sửa đổi bổ sung thông báo: 01 thông báo sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 11 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 55/2024/NĐ-CP.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

### **4. Thời hạn giải quyết**

- Tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày thực hiện hoạt động.

### **5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

- Tổ chức, cá nhân kinh doanh thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên theo quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

### **6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Ủy ban nhân dân cấp xã.

### **7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên.

### **8. Phí, lệ phí:**

- Không quy định

### **9. Tên mẫu thông báo**

Thông báo thực hiện bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên theo Mẫu số 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 55/2024/NĐ-CP.

Thông báo sửa đổi, bổ sung được thực hiện theo Mẫu số 11 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 55/2024/NĐ-CP.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Tổ chức, cá nhân kinh doanh theo quy định tại Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.
- Thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ngày 20 tháng 6 năm 2023;
- Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN  
KINH DOANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày ... tháng .... năm...

**THÔNG BÁO THỰC HIỆN  
BÁN HÀNG KHÔNG TẠI ĐỊA ĐIỂM GIAO DỊCH THƯỜNG XUYỀN**

Kính gửi:

Tên tổ chức, cá nhân kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:

Fax:

Email:

Mã số thuế (nếu có):

Người liên hệ:

Điện thoại:

Căn cứ Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các văn bản hướng dẫn Luật, [tên tổ chức, cá nhân kinh doanh] thông báo thực hiện bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên như sau:

1. Tên hoạt động (nếu có):

2. Nội dung chương trình bán hàng, phương thức bán hàng:

3. Địa điểm tổ chức:

4. Danh sách sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cung cấp và giá bán kèm theo (giá bán đã gồm thuế, phí, chi phí liên quan):

5. Thông tin liên hệ của đại diện [tên tổ chức, cá nhân kinh doanh] để tiếp nhận, giải quyết khiếu nại của người tiêu dùng:

Họ tên: .....

Chức vụ: .....

Email: .....

Số điện thoại: .....

[tên tổ chức, cá nhân kinh doanh] chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của thông tin cung cấp nêu trên; cam kết thực hiện đúng các quy định của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các quy định khác của pháp luật hiện hành.

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**

(Chữ ký của người có thẩm quyền,  
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Họ và tên

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN  
KINH DOANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

..., ngày ... tháng .... năm...

**THÔNG BÁO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THỰC HIỆN  
BÁN HÀNG KHÔNG TẠI ĐỊA ĐIỂM GIAO DỊCH THƯỜNG XUYỀN**

Kính gửi: .....

Tên tổ chức, cá nhân kinh doanh: .....  
 Địa chỉ trụ sở chính: .....  
 Điện thoại: .....Fax:..... Email:.....  
 Mã số thuế (nếu có): .....  
 Người liên hệ:..... Điện thoại: .....  
 Căn cứ Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các văn bản hướng dẫn Luật;  
 Căn cứ Văn bản số.....ngày.....tháng.....năm.....của [tên tổ chức, cá nhân kinh doanh], [tên tổ chức, cá nhân kinh doanh] thông báo sửa đổi, bổ sung thực hiện bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên như sau:  
 1. Nội dung sửa đổi, bổ sung  
 2. Văn bản, tài liệu kèm theo (nếu có).  
 Các nội dung khác theo Thông báo tại Văn bản số..... ngày..... tháng..... năm ..... của [tên tổ chức, cá nhân kinh doanh] giữ nguyên.  
 [tên tổ chức, cá nhân kinh doanh] chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của thông tin cung cấp nêu trên; cam kết thực hiện đúng các quy định của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các quy định khác của pháp luật hiện hành.

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA  
NGƯỜI KÝ**

*(Chữ ký của người có thẩm quyền,  
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

**Họ và tên**

## **VII. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP TIÊU DÙNG**

### **1. Cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (Mã TTHC - 2.000181)**

#### **a) Trình tự thực hiện:**

- Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá gửi 01 bộ hồ sơ về Phòng Công Thương.  
 - Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Công Thương xem xét và cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. Trường hợp thương nhân không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Phòng Công Thương sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Phòng Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung hồ sơ

#### **b) Cách thức thực hiện:**

- Qua dịch vụ bưu chính;  
 - Qua dịch vụ công trực tuyến.  
 - Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ (thông qua Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ thuộc UBND cấp huyện).

#### **c) Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá; Phụ lục 23 (Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;

-Bản sao các văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh;

#### **d) Số lượng bộ hồ sơ:**

Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá lập 02 bộ hồ sơ theo quy định, 01 bộ gửi Phòng Công Thương, thương nhân lưu 01 bộ;

#### **đ) Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ,

#### **e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**Thương nhân

#### **f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**Phòng Công Thương

#### **g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

#### **h) Lệ phí:** Theo quy định của Bộ Tài chính

#### **i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá Phụ lục 23 theo mẫu (Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương).

#### **j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

- Thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;  
 - Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 (Bán thuốc lá) Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012 ;  
 -Có văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh;

#### **k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.  
 - Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương,

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương;

- Căn cứ Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

- Căn cứ Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

**PHỤ LỤC 23**

(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018  
của Bộ Công Thương)

**TÊN THƯƠNG NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

-----

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
CẤP GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

Kính gửi: Phòng Công Thương (1) .....(2)

1. Tên thương nhân:.....
  2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
  3. Điện thoại:..... Fax:.....;
  4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh...) số..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ..... ngày .....tháng..... năm.....;
  5. Chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có)
    - Tên: .....
    - Địa chỉ: .....
    - Điện thoại:..... Fax:.....;
- Đề nghị Phòng Công Thương (1).....(2) xem xét cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, cụ thể như sau:
6. Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:

.....(3)

7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:

.....(4)

.....(ghi rõ tên thương nhân).....xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuốc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá. Nếu sai...<sup>(4)</sup> xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người đại diện theo pháp luật của thương nhân**  
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

**Chú thích:**

- (1): Phòng Công Thương hoặc đơn vị được cấp thẩm quyền giao (ví dụ: Phòng Kinh tế,...)
- (2) Ghi rõ tên quận, huyện nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.
- (3): Ghi rõ tên, địa chỉ của thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.
- (4): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại của các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

-----  
-----

## **2. Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (Mã TTHC - 2.000162)**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá gửi 01 bộ hồ sơ về Phòng Công Thương.
- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Công Thương xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.
- Trường hợp thương nhân không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Phòng Công Thương sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do

### **b) Cách thức thực hiện:**

- Qua dịch vụ bưu chính;
- Qua dịch vụ công trực tuyến.
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ (thông qua Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ thuộc UBND cấp huyện).

### **c) Thành phần hồ sơ:**

- Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung;
- Bản sao Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp;
- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

### **d) Số lượng bộ hồ sơ:**

Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá nộp 01 bộ hồ sơ xin đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá gửi Phòng Công Thương.

### **đ) Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

### **e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Thương nhân

### **j) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Phòng Công Thương

### **g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

### **h) Lệ phí:** Theo quy định của Bộ tài chính (nếu có)

### **i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Mẫu đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá; Phụ lục 46 theo mẫu (kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương).

### **j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

- Thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;
- Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 (Bán thuốc lá) Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012;
- Có văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh.

### **k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.
- Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;
- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương,

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương;

- Căn cứ Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

- Căn cứ Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

**PHỤ LỤC 46***(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương)***TÊN THƯƠNG NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

-----

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

Kính gửi: Phòng Công Thương....(1)

1. Tên thương nhân : .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
3. Điện thoại:..... Fax:.....
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh...) số..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ .... ngày .....tháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
  - Tên: .....
  - Địa chỉ: .....
  - Điện thoại:..... Fax:.....
6. Đã được Phòng Công Thương...(1) cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....
7. Đã được Phòng Công Thương...(1) cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (sửa đổi, bổ sung lần thứ.....) số ..... ngày .... tháng .....năm .....(nếu đã có) .....(2)....
- ...(ghi rõ tên thương nhân)...(3) kính đề nghị Phòng Công Thương xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá, với lý do cụ thể như sau (tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung để doanh nghiệp thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):
8. Sửa đổi thông tin chung (tên thương nhân, trụ sở chính, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh...), chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh,...)
  - Thông tin cũ:.....
  - Thông tin mới:.....
9. Sửa đổi, bổ sung về tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá, như sau:
  - Được phép mua sản phẩm thuốc lá của thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:.....(4).....
  - Đề tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:.....(5)
10. Sửa đổi, bổ sung các địa điểm tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá:
  - a) Đề nghị sửa đổi:
    - Thông tin cũ:.....
    - Thông tin mới:.....(5)
  - b) Đề nghị bổ sung: .....(6)
- .....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều

và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuốc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá. Nếu sai...<sup>(4)</sup> xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người đại diện theo pháp luật của thương nhân**

(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

*Chú thích:*

- (1) Phòng Công Thương hoặc đơn vị được cấp thẩm quyền giao (ví dụ: Phòng Kinh tế,...)
- (2): Ghi rõ từng lần sửa đổi, bổ sung, số giấy phép, ngày cấp (nếu có).
- (3): Tên Thương nhân.
- (4): Ghi rõ tên, địa chỉ thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.
- (5): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.
- (6) Ghi rõ các nội dung khác cần sửa đổi, bổ sung.

-----  
-----

### **3. Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (Mã TTHC - 2.000150)**

#### **3.1. Trường hợp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp hết thời hạn hiệu lực:**

Trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày, tổ chức, cá nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trong trường hợp tiếp tục kinh doanh. Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại như đối với trường hợp cấp mới.

#### **3.2. Trường hợp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy:**

##### **a) Trình tự thực hiện:**

- Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá gửi 01 bộ hồ sơ về Phòng Công Thương.
- Phòng Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân
- Phòng Công Thương tiến hành thẩm định hồ sơ và các điều kiện cần thiết để cấp phép hoặc từ chối cấp phép.

##### **b) Cách thức thực hiện:**

- Qua dịch vụ bưu chính;
- Qua dịch vụ công trực tuyến.
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ (thông qua Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ thuộc UBND cấp huyện).

##### **c) Thành phần hồ sơ:**

*\* Trường hợp Giấy phép đã được cấp hết thời hạn hiệu lực, hồ sơ cấp lại như đối với trường hợp cấp mới;*

*\* Trường hợp giấy phép bị mất, bị tiêu hủy hoàn toàn hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy:*

- Văn bản đề nghị cấp lại; Phụ lục 52 theo mẫu (Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)
- Bản sao Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp (nếu có).

##### **d) Số lượng bộ hồ sơ:**

- Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá nộp 01 bộ hồ sơ xin đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá gửi Phòng Công Thương;

##### **d) Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ,

##### **e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Thương nhân

##### **f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Phòng Công Thương

##### **g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

##### **h) Lệ phí:** Theo quy định của Bộ tài chính.

##### **i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Mẫu đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá Phụ lục 52 theo mẫu (Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương).

##### **j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

- Thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;
- Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 (Bán thuốc lá) Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012 ;
- Có văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh;

##### **k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;
- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP;
- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương,
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuốc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương;
- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;
- Căn cứ Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;



Chú thích:

(1): Phòng Công Thương hoặc đơn vị được cấp thẩm quyền giao (ví dụ: Phòng Kinh tế,...)

(2): Ghi rõ lý do xin cấp lại.

---

## VIII. LĨNH VỰC CỤM CÔNG NGHIỆP

### 1. Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp

#### 1.1. Trình tự thực hiện

Bước 1: Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức nộp hồ sơ thành lập/mở rộng cụm công nghiệp (trong đó bao gồm văn bản đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo Mẫu số 01 Phụ lục II kèm theo Thông tư số 14/2024/TT-BCT ngày 15/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chế độ báo cáo định kỳ về cụm công nghiệp, cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước và một số mẫu văn bản về quản lý, phát triển cụm công nghiệp) tại Ủy ban nhân dân cấp xã:

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đầu tiên của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo rộng rãi việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị thành lập/mở rộng cụm công nghiệp trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương. Thời hạn nhận hồ sơ trong vòng 15 ngày kể từ ngày ra thông báo.

Bước 2: Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc nhận hồ sơ thành lập/mở rộng cụm công nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp lập 02 bộ hồ sơ thành lập/mở rộng cụm công nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp kèm tệp tin điện tử của hồ sơ, gửi Sở Công Thương để chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức thẩm định.

Bước 3: Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ thành lập/mở rộng cụm công nghiệp, Sở Công Thương hoàn thành thẩm định, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh việc thành lập/mở rộng cụm công nghiệp. Trường hợp hồ sơ, nội dung Báo cáo thành lập/mở rộng cụm công nghiệp không đáp ứng yêu cầu, Sở Công Thương có văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Thời hạn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định.

Lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp là một nội dung thẩm định thành lập/mở rộng cụm công nghiệp; được thực hiện trong quá trình thành lập/mở rộng cụm công nghiệp. Đối với cụm công nghiệp có doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức có hồ sơ đề nghị thành lập/mở rộng cụm công nghiệp đáp ứng quy định tại Nghị định số 32/2024/NĐ-CP thì thực hiện lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp như sau:

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng đánh giá lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp (gồm Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo các Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các thành viên khác là đại diện một số sở, cơ quan liên quan; Thư ký Hội đồng là đại diện phòng chuyên môn của Sở Công Thương và không phải là thành viên Hội đồng) để chấm điểm với thang điểm 100 cho các tiêu chí: phương án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật (tối đa 15 điểm); phương án quản lý, bảo vệ môi trường cụm công nghiệp (tối đa 15 điểm); năng lực, kinh nghiệm của doanh nghiệp, hợp tác xã (tối đa 30 điểm) và phương án tài chính đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật (tối đa 40 điểm). Căn cứ điều kiện thực tế của địa phương và quy định của pháp luật liên quan, Hội đồng thống nhất nguyên tắc, phương thức làm việc, các nội dung của từng tiêu chí và mức điểm tối đa tương ứng cho phù hợp.

Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức có số điểm từ 50 trở lên được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp tại Quyết định thành lập/mở rộng cụm công nghiệp (trường hợp có từ 02 doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức trở lên cùng đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thì giao

doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức có số điểm cao nhất; nếu có từ hai doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức có số điểm cao nhất bằng nhau thì giao doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức theo đề xuất của Chủ tịch Hội đồng đánh giá lựa chọn chủ đầu tư).

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định việc thông báo cho doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp về kết quả lựa chọn chủ đầu tư.

Bước 4: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được 01 bộ hồ sơ thành lập/mở rộng cụm công nghiệp kèm báo cáo thẩm định của Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc thành lập/mở rộng cụm công nghiệp (bao gồm việc giao chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp). Quyết định thành lập/mở rộng cụm công nghiệp (theo *Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Thông tư số 14/2024/TT-BCT*) được gửi Bộ Công Thương 01 bản.

**1.2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ đường bưu điện, trực tiếp.

**13. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Hồ sơ đề nghị thành lập/mở rộng cụm công nghiệp (do doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức thực hiện) bao gồm:

+ Văn bản của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo *Mẫu số 01 Phụ lục II kèm theo Thông tư số 14/2024/TT-BCT* (trong đó có cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật và chịu mọi chi phí, rủi ro nếu không được chấp thuận) kèm theo Báo cáo đầu tư thành lập/mở rộng cụm công nghiệp và bản đồ xác định vị trí, ranh giới của cụm công nghiệp;

+ Bản sao hợp lệ tài liệu về tư cách pháp lý của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp;

+ Bản sao hợp lệ tài liệu chứng minh năng lực tài chính của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính (nếu có);

+ Bản sao hợp lệ tài liệu chứng minh kinh nghiệm của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các văn bản, tài liệu khác có liên quan (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

**1.4. Thời hạn giải quyết:**

Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Nghị định số 32/2014/NĐ-CP, trong đó thời hạn giải quyết: Bước 1 thực hiện trong 5 ngày làm việc để thông báo tiếp nhận hồ sơ và 15 ngày để nhận hồ sơ; Bước 2 thực hiện trong 5 ngày làm việc; Bước 3 thực hiện trong 25 ngày; Bước 4 thực hiện trong 7 ngày làm việc.

**1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

**1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Công Thương.

**1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định thành lập/mở rộng cụm công nghiệp.

**1.8. Lệ phí:** Không thu phí.

**1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Mẫu số 01: Văn bản đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp;
- Mẫu số 02: Quyết định thành lập/mở rộng cụm công nghiệp.

**1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không**1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

Thông tư số 14/2024/TT-BCT ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chế độ báo cáo định kỳ về cụm công nghiệp, cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước và một số mẫu văn bản về quản lý, phát triển cụm công nghiệp./.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ**

**làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp ...**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ...

...(Tên đơn vị)...đề nghị làm chủ đầu tư dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp ... với các thông tin chính như sau:

**I. Thông tin đơn vị đề nghị làm chủ đầu tư**

1. Tên đơn vị: .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
3. Điện thoại: .....; Fax: .....; Email: .....
4. Giấy tờ pháp lý của đơn vị (*Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác theo quy định của pháp luật Việt Nam*) số: .....; ngày cấp: .....; Cơ quan cấp: .....
4. Ngành nghề kinh doanh chính: .....
5. Người đại diện theo pháp luật: .....Chức danh:.....
6. Nội dung khác liên quan (*nếu có*).

**II. Thông tin dự án đề nghị đầu tư**

1. Tên dự án: .....
2. Địa chỉ dự án: .....
3. Tổng mức đầu tư tạm tính của dự án: .....
4. Tiến độ đầu tư: .....
5. Nội dung khác liên quan (*nếu có*).

**III. Cam kết của đơn vị đề nghị làm chủ đầu tư**

Đơn vị cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung đơn đề nghị này và chịu mọi chi phí, rủi ro nếu không được chấp thuận; chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

**IV. Hồ sơ kèm theo**

- Báo cáo đầu tư thành lập/mở rộng cụm công nghiệp (nội dung chủ yếu quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp); bản đồ xác định vị trí, ranh giới của cụm công nghiệp;
- Các văn bản, tài liệu quy định tại các điểm c, d, đ khoản 1 Điều 9 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;
- Văn bản, tài liệu liên quan khác (*nếu có*).

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Sở Công Thương ...;
- Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi có cụm công nghiệp);
- Lưu: ....

....., ngày ... tháng ... năm ....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ LÀM CHỦ ĐẦU  
TU'**

(*Chữ ký, họ và tên, chức danh, dấu*)